

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƠN TRẠCH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HSST.

Ngày: 17/3/2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Điệp.

Ông Hoài Đức Huệ.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lê Thị Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:** Bà Vương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2021/HSST, ngày 20 tháng 01 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

**Lê Thanh S**, sinh ngày 30/6/2002 tại Cà Mau; Tên gọi khác: Cá Sấu; Hộ khẩu thường trú: Thị trấn T, huyện B, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: Ấp Bến Cam, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Đ và bà Lê Hồng Th; bị cáo là con út trong gia đình có 04 chị em và chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 31/12/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/10/2020 và chuyển tạm giam đến nay tại nhà tạm giữ công an huyện Nhơn Trạch.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1999.

Địa chỉ: Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

2. Chị Nguyễn Thị S1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp Trầu, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo Lê Thanh S có mặt tại phiên tòa, bị hại anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị S1 vắng mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ ngày 24/4/2020, Lê Thanh S đi bộ đến các dãy trọ thuộc ấp Bến Sắn, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai thì thấy xe mô tô, biển số 68HC-5141 của anh Nguyễn Văn Q (sinh năm 1999) đang dựng trước cửa phòng trọ không có người trông coi, S lén lút vào dắt xe mô tô trên ra khỏi dãy trọ rồi dùng tay tháo dây điện ổ khóa xe, nổ máy chạy về phòng trọ, sau đó S sử dụng xe mô tô, biển số 68HC-5141 đi học sửa xe tại xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch. Sau khi phát hiện mất xe anh Q đã trình báo công an Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch biết nội dung sự việc lập hồ sơ điều tra xác minh. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, S đang chạy xe mô tô biển số 68HC-5141 trên đường về nhà thì bị công an xã Phước Thiện phát hiện bắt giữ đưa về trụ sở làm việc, S đã khai nhận hành vi trộm cắp chiếc xe trên. Sau đó S được cho gia đình bảo lãnh chờ xử lý.

Vào khoảng 01 giờ ngày 13/9/2020, Lê Thanh S đi bộ từ khu vực phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến khu vực nhà trọ của ông Nhữ Văn Nh ở ấp Trầu, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch thấy xe mô tô Wave biển số 98L1-2316 của chị Nguyễn Thị S1 (sinh năm 1984) đang dựng ngoài hành lang dãy trọ và không có người trông coi nên S đi vào dùng tay rút dây điện và nổ máy xe mô tô Wave, biển số 98L1-2316 chạy về khu vực phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa bán cho 01 người đàn ông (không rõ nhân thân) đi đường với giá 800.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Đến 06 giờ sáng cùng ngày, chị S1 phát hiện mất xe nên đã trình báo công an xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai lập hồ sơ xử lý. Đến ngày 04/10/2020, nhận thấy hành vi của mình là sai trái nên S đến công an xã Phước Thiện đầu thú.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 127/KLĐG-HĐĐG ngày 07/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nhơn Trạch kết luận: Xe mô tô biển số

68HC-5141, giá trị sử dụng còn lại là 80%, giá trị tài sản định giá là 3.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 207/KLĐG-HĐĐG ngày 07/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nhơn Trạch kết luận: Xe mô tô biển số 98L1-2316, giá trị sử dụng còn lại là 70%, giá trị tài sản định giá là 4.200.000 đồng.

Quá trình điều tra anh Nguyễn Văn Q đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Chị Nguyễn Thị S1 yêu cầu bồi thường giá trị xe mô tô biển số 98L1-2316 theo kết quả định giá.

Quá trình điều tra, bị cáo Lê Thanh S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKSNT, ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch truy tố bị cáo Lê Thanh S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56; khoản 5 Điều 65; 90; 91; 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh S từ 14 – 16 tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án số 114/2019/HSST ngày 31/12/2019 xử phạt bị cáo Lê Thanh S 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lê Thanh S phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị S1 số tiền 4.200.000 đồng là giá trị của chiếc xe biển số 98L1-2316 bị mất.

Đối với chiếc xe biển số 98L1-2316 anh Nguyễn Văn Q đã nhận lại và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị S1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Về chứng xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thanh S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu đã thu thập được tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có cơ sở kết luận: Vào ngày 24/4/2020, Lê Thanh S đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô, biển số 68HC-5141, trị giá 3.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn Q tại ấp Bến Sắn, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch.

Đến ngày 13/9/2020, Lê Thanh S tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô, biển số 98L1-2316 trị giá 4.200.000 đồng của chị Nguyễn Thị S1 tại ấp Trầu, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 7.200.000 đồng. Đến ngày 04/10/2020, S đến công an xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch đầu thú. Hành vi của bị cáo Lê Thanh S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mặt khác gây ảnh hưởng xấu về an ninh và trật tự trong xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi và hậu quả do hành vi của mình gây ra nhưng do tham lam, lười lao động và xem thường pháp luật nên bị cáo đã cố ý phạm tội, bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo ăn

năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo đầu thú. Thời điểm phạm tội bị cáo chưa thành niên. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị S1 số tiền 4.200.000 đồng là giá trị chiếc xe mô tô, biển số 98L1-2316. Do đó căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Lê Thanh S phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị S1 số tiền 4.200.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[8] Đối với người đàn ông (không rõ nhân thân) đi đường ở khu vực phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa có hành vi mua xe mô tô, biển số 98L1-2316, do không rõ nhân thân lai lịch nên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Nhơn Trạch tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh S (Cá sấu) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56; khoản 5 Điều 65; Điều 90, 91, 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh S (cá sấu): **01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù**. Tổng hợp hình phạt của bản án số 114/2019/HSST ngày 31/12/2019 xử phạt bị cáo 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là **02 (hai) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 04/10/2020. Trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 17/3/2019 đến ngày 26/3/2019 (Trong bản án số 114/2019/HS-ST ngày 31/12/2019).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Lê Thanh S phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị S1 số tiền 4.200.000 đồng

(bốn triệu hai trăm ngàn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thi hành về phần tiền bồi thường thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Mức lãi suất do các bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm. Nếu các bên không thỏa thuận được thì mức lãi suất chậm trả áp dụng là 20%/năm.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Thanh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị hại Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị S1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện Nhơn Trạch;
- THADS huyện Nhơn Trạch;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thành**